

Khu BTTN Lung Ngọc Hoàng

Tên khác

Lâm trường Phương Ninh

Tỉnh

Cần Thơ

Tình trạng

Đề xuất

Ban quản lý được thành lập

Chưa thành lập

Vĩ độ

9°41' - 9°45' vĩ độ Bắc

Kinh độ

105°39' - 105°43' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

05a - Châu thổ Sông Mê Kông



Tình trạng bảo tồn

Lung Ngọc Hoàng là khu rừng sản xuất thuộc huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ. Tỉnh Cần Thơ đã đề xuất xây dựng khu vực này thành một khu bảo tồn thiên nhiên. Hiện nay Lung Ngọc Hoàng được lâm trường Phương Ninh quản lý, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát Triển Nông thôn (Buckton *et al.* 1999). Lung Ngọc Hoàng có trong danh sách đề xuất các khu rừng đặc dụng đến năm 2010 là khu bảo tồn thiên nhiên với diện tích là 6.000 ha, trong đó diện tích có rừng là 4.500 ha (Cục Kiểm lâm 1998). Tuy nhiên, Buckton *et al.* (1999) cho rằng diện tích của khu này chỉ có 2.731 ha.

Địa hình và thủy văn

Khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng nằm trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong khu vực có một hệ thống các kênh đào dày đặc.

Đa dạng sinh học

Lung Ngọc Hoàng có 3 kiểu thảm thực vật chính: rừng tràm, đầm lầy và trảng cỏ. Rừng Tràm

có diện tích lớn nhất, hầu hết diện tích này là rừng trồng Tràm thương mại, có giá trị đa dạng sinh học không cao. Diện tích còn lại là đầm lầy và trảng cỏ có giá trị về đa dạng sinh học cao hơn mặc dù nhiều nơi đang được trồng Tràm non. Khoảng 1/3 diện tích khu vực là đất canh tác lúa và mía (Buckton *et al.* 1999).

Các trảng cỏ có diện tích lớn với loài cỏ Năn *Eleocharis dulcis* mọc hỗn giao với Cỏ chỉ *Cynodon dactylon* và rải rác có Tràm tái sinh. Có 3 loại hình trảng cỏ khác nhau trong khu vực là: các bãi Đưng *Scleria poaefearmis*, gồm có cỏ Năn và các loài thuộc họ Cỏ Poaceae; bãi Cỏ mỡ *Hymenachne acutigluma* chiếm ưu thế ở các bờ kênh; và bãi Sậy *Phragmites vallatoria* xuất hiện thành từng đám cao và dày (Buckton *et al.* 1999).

Quần xã thực vật thủy sinh ở các kênh đào chủ yếu là các loài Lục bình *Eichhornia crassipes*, Bèo cái *Pistia stratiotes*, Bèo ong (Bèo tai chuột) *Salvinia cucullata*, Rau muống *Ipomoea aquatica*, Rau mương *Ludwigia adscendens*, Cỏ nước *Centrostachys aquatica*, Bèo dâu *Azolla pinnata*, Bèo trống *Spirodela polyrrhiza* và Bèo cám *Lemna aequinoxialis* (Buckton *et al.* 1999).

Các loài chim nước ở Lung Ngọc Hoàng không đa dạng. Không có loài nào bị đe dọa hoặc sắp bị đe dọa toàn cầu được ghi nhận trong khu vực.

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng

Các loài chim nước có kích thước lớn rất hiếm, chỉ có một số loài Cò, Diệc xuất hiện trong khu vực vào mùa khô. Tuy nhiên, trong mùa mưa cũng có một số lượng tương đối lớn các loài chim xuất hiện trong khu vực như: Gà lôi nước ấn độ *Metopidius indicus* và Cò đen *Dupetor flavicollis*. Khu hệ chim ở rừng Tràm trồng nghèo về thành phần loài, chỉ gặp các loài như: Rẻ quạt *Rhipidura javanica*, Hút mật họng tím *Nectarinia jugularis* và Vành khuyên *Zosterops palpebrosa* (Buckton *et al.* 1999).

Các nhóm động vật khác của khu vực chưa được nghiên cứu.

Buckton, S. T., Nguyen Cu, Ha Quy Quynh and Nguyen Duc Tu (2000) [[The conservation of key wetland sites in the Mekong Delta](#)]. Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme. In Vietnamese.

Các vấn đề về bảo tồn

Sản xuất gỗ Tràm thương mại là mối đe dọa chủ yếu đối với sinh cảnh rừng ở Lung Ngọc Hoàng. Kinh doanh rừng Tràm đã tác động tới đa dạng sinh học. Thứ nhất, việc khai thác gỗ làm nhiễu loạn các quần thể chim nước trong khu vực. Thứ hai, việc trồng Tràm trên các trảng cỏ và các đầm lầy làm phá hủy sinh cảnh tự nhiên trong vùng. Các hoạt động này thường đe dọa trực tiếp tới các loài chim. Theo một số nguồn tin thì người dân sống xung quanh khu bảo tồn còn dùng các loại bả độc để bẫy chim nhằm bảo vệ mùa màng (Buckton *et al.* 1999).

Các giá trị khác

Chưa có thông tin.

Các dự án có liên quan

Trước năm 1999, Chương trình 327 là nguồn kinh phí chủ yếu cho các hoạt động của ban quản lý lâm trường, trong đó có công tác bảo vệ rừng. Từ năm 1999, Chương trình 661 thay thế Chương trình 327 và vẫn là nguồn cung cấp kinh phí chính cho các hoạt động của lâm trường.

Tài liệu tham khảo

Buckton, S. T., Nguyen Cu, Ha Quy Quynh and Nguyen Duc Tu (1999) [The conservation of key wetland sites in the Mekong Delta](#). Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme.